

Số: /KH-UBND

Cát Hải, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026 trong ngành Giáo dục đặc khu Cát Hải

Căn cứ Kế hoạch số 7462/KH-SGDĐT ngày 08/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026 trong ngành Giáo dục đặc khu Cát Hải, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thực hiện Kế hoạch số 02- KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương đến hết năm 2025;

- Kế hoạch số 250/KHUBND ngày 23/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thực hiện Kế hoạch số 02- KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương đến hết năm 2025

- Văn bản số 9359/VP-VX của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Quyết định số 126/QĐ-BCĐCP ngày 11/9/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

- Công văn số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

- Quyết định số 3849/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025 - 2026 của ngành GDĐT thành phố Hải Phòng;

- Kế hoạch số 2416/KH-SGDĐT ngày 22/4/2025 của Sở GDĐT Hải Phòng (cũ) về việc triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn

2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng lộ trình năm 2025 và những năm tiếp theo;

- Kế hoạch số 7462/KH-SGDĐT ngày 08/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 12/02/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu về việc thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn đặc khu Cát Hải.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục.

- Bảo đảm quản lý tập trung, dữ liệu chính xác, không trùng lặp, đáp ứng yêu cầu quản lý thống nhất của ngành; đảm bảo kết nối, liên thông từ Trung ương đến địa phương và với cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL chuyên ngành.

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với mô hình chính quyền hai cấp; tăng cường trách nhiệm của Ủy ban nhân dân đặc khu và từng cơ sở giáo dục trong việc triển khai, cập nhật dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, dạy học và kiểm tra, đánh giá; hoàn thiện xây dựng CSDL học bạ số, hồ sơ số, văn bằng số; đưa học bạ số, hồ sơ số, văn bằng số vào sử dụng rộng rãi; triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục; hoàn thành các chỉ tiêu của Đề án 06 trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường ứng dụng các nền tảng, phần mềm trong quản trị nhà trường, dạy, học, kiểm tra, đánh giá theo hướng dùng chung, tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, STEM, học liệu số, lớp học thông minh; bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, triển khai khung năng lực số cho học sinh phổ thông và giáo dục thường xuyên, hình thành kỹ năng số cho học sinh theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định Khung năng lực số cho người học; triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI một cách phù hợp hiệu quả.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tăng cường kết nối, tích hợp dữ liệu của ngành giáo dục với Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của thành phố; góp phần xây dựng chính quyền số, xã hội số của Hải Phòng.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 đối với ngành giáo dục đặc khu.
- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Trung ương, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân đặc khu; cụ thể hóa thành các hoạt động thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành.
- Triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả, tránh hình thức, dàn trải; ưu tiên các nhiệm vụ cấp bách của Đề án 06 và hợp nhất CSDL ngành.
- Xác định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân đặc khu và từng cơ sở giáo dục; gắn kết quả triển khai với đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hằng năm.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư; sử dụng hiệu quả hạ tầng sẵn có, ưu tiên thuê dịch vụ CNTT, khuyến khích xã hội hóa nguồn lực.
- Triển khai kiểm tra, đánh giá theo hướng dùng chung, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, STEM, học liệu số, lớp học thông minh; thường xuyên nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; báo cáo định kỳ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng CSDL ngành giáo dục và đào tạo Hải Phòng hiện đại, thống nhất sau hợp nhất đảm bảo **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”**, với hạ tầng CNTT đồng bộ, dữ liệu ngành tích hợp, quản lý - điều hành trên môi trường số, giáo dục số phát triển; đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền; kiểm tra, đánh giá theo hướng dùng chung, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, hình thành kỹ năng số cho học sinh; từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục số toàn diện, góp phần thực hiện thành công chuyển đổi số của thành phố nói chung, của đặc khu Cát Hải nói riêng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thành việc kết nối CSDL ngành với Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm điều hành của thành phố.
- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo được cấp và sử dụng email công vụ tên miền @haiphong.edu.vn và chữ ký số phục vụ ký số hồ sơ, tài liệu trong ngành giáo dục.
- 100% đơn vị sử dụng hệ thống điều hành văn bản điện tử thống nhất và chữ ký số chuyên dùng.

- 100% hồ sơ giáo viên, học sinh được định danh, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư; tỷ lệ xác thực thành công đạt trên 98,5%.

- Hoàn thiện công đăng nhập một lần (SSO), tích hợp toàn bộ ứng dụng ngành; 100% cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh sử dụng tài khoản SSO để truy cập các hệ thống dùng chung.

- Tích hợp định danh điện tử VNeID; phần đầu $\geq 80\%$ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh có tài khoản VNeID mức 2; sử dụng VNeID trong ít nhất 2 dịch vụ công trực tuyến của ngành (tuyển sinh, cấp bản sao văn bằng, xác nhận học bạ số).

- Triển khai học bạ số tại 100% các cấp học (tiểu học, THCS); áp dụng chữ ký số trong toàn bộ hồ sơ, sổ điểm, văn bằng, chứng chỉ.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; dữ liệu thu chi được kết nối đồng bộ với hệ thống kế toán và CSDL ngành.

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn về trí tuệ nhân tạo, năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên; phần đầu 70% giáo viên đạt chuẩn năng lực số; triển khai chương trình bồi dưỡng năng lực số cho học sinh theo Thông tư số 02/2025/TT- BGDDT.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách chuyển đổi số; 100% cơ sở giáo dục duy trì chuyên mục, cập nhật thông tin, mô hình điển hình trên Cổng thông tin điện tử ngành và cổng thành phần của đơn vị.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt.

IV. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ chung

- Tham mưu, triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 phù hợp với điều kiện thực tế của đặc khu.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” tại đặc khu⁽¹⁾ và phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

- Đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện CSDL ngành giáo dục kết nối, liên thông từ Trung ương đến các địa phương và với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; xây dựng CSDL học bạ số, văn bằng số; đẩy mạnh chia sẻ dữ liệu phục vụ hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

⁽¹⁾ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Tăng cường ứng dụng các nền tảng, phần mềm trong quản trị nhà trường, dạy, học, kiểm tra, đánh giá theo hướng dùng chung (nền tảng và học liệu), tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm trong hoạt động dạy, học, quản lý giáo dục; thường xuyên nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

a) Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá

- Tiếp tục triển khai Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; khai thác tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học; đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Nghiên cứu, áp dụng triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng kết hợp, tăng tương tác, trải nghiệm phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế (lớp học thông minh, học tương tác, tự học với trợ lý ảo).

- Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp từng cấp học, từng nhóm đối tượng với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong; đội ngũ nhà giáo phải thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

- Tích cực, chủ động xây dựng kho học liệu số dùng chung phục vụ công tác giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá.

- Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính tại những đơn vị có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

- Tập huấn, bồi dưỡng (theo hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp) nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng AI tổ chức hoạt động giáo dục.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (phần mềm và CSDL số hóa sách), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

b) Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về giáo dục, quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng CSDL về giáo dục

- Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị nhà trường được tích hợp trên Hệ thống CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo tới 100% cơ sở giáo dục; đảm bảo 100% người học, nhà giáo được định danh thống nhất và quản lý bằng hồ sơ số; 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác được quản lý bằng hồ sơ số; triển khai và sử dụng sổ khám sức khỏe điện tử của học sinh, giáo viên tích hợp trong hệ sinh thái dữ liệu nhà trường; từng bước ứng dụng AI phân tích dữ liệu, hỗ trợ công tác quản trị nhà trường.

- Triển khai học bạ số, văn bằng số theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng CSDL ngành giáo dục theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về CSDL giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- + Tiếp tục hoàn thiện CSDL ngành giáo dục, kết nối với các CSDL quốc gia đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từng bước tích hợp AI trong hệ thống thông tin quản lý điều hành, phân tích dữ liệu.

- + Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm CSDL ngành giáo dục⁽²⁾ đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- + Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông cấp Trường, cấp xã (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục⁽³⁾, quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁽⁴⁾, thống kê đối với giáo dục nghề nghiệp và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường ứng dụng công cụ phân tích dữ liệu thông minh để hỗ trợ quản lý, đánh giá và dự báo xu hướng giáo dục, tự động hóa quy trình báo cáo thống kê, giảm thiểu thao tác thủ công và tăng cường tính kịp thời của dữ liệu.

c) Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục

- Triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; dịch vụ công nhận văn bằng ở mức độ toàn trình và các dịch vụ khác theo phân cấp.

- Thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý học phí, quản lý các khoản thu của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có Nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

⁽²⁾ Tại địa chỉ: <https://csdl.haiphong.edu.vn>

⁽³⁾ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục; Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

⁽⁴⁾ Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục

- Đối với Phòng Văn hóa - Xã hội (bộ phận chuyên môn phụ trách lĩnh vực giáo dục) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Phân công lãnh đạo và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

- Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

2. Đánh giá mức độ chuyển đổi số

Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non theo các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁽⁵⁾ và theo Kế hoạch định kỳ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Công tác thể chế

Tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân⁽⁶⁾, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; ban hành các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm, bảo đảm quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục (một số văn bản tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

4. Đảm bảo nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin

- Rà soát và tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu bố trí đủ nguồn lực bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet kết nối (có dây hoặc không dây) đến từng phòng học; Đầu tư thiết bị bảo mật (tường lửa, kiểm soát truy cập – IPS,...) cho hệ thống mạng cục bộ và phần mềm bản quyền cho máy tính của các đơn vị. Đề xuất mua sắm bổ sung máy tính để dạy môn Tin học, tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (mức độ 2 theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 phục vụ dạy môn Tin học: Tối đa 2 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp Tiểu học, THCS). Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học.

⁽⁵⁾ Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với sở GDĐT; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

⁽⁶⁾ Luật số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025 về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản liên quan.

- Tùy theo điều kiện của mỗi đơn vị, xây dựng phòng Lab sản xuất nội dung số phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ và các phần mềm cần thiết).

- Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm, website...); thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL ngành. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Thiết lập và công khai đầu mối tiếp nhận, xử lý sự cố an toàn thông tin trong ngành giáo dục.

- Thường xuyên rà soát, vá lỗi bảo mật và tổ chức đào tạo, diễn tập thực hành về an toàn thông tin trong toàn ngành.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc chuẩn hóa, cấp chứng thư số cho máy chủ, website của các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức thi điểm giải pháp quản lý học sinh (cổng trường thông minh, điểm danh trong lớp bằng camera/thiết bị AI) tại một số cơ sở giáo dục theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

- Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo, nhân viên, người học về vai trò, vị trí của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm ứng dụng, phần mềm phòng chống virus có bản quyền.

- Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục⁽⁷⁾; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng (theo hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp) nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng AI tổ chức hoạt động giáo dục.

6. Hạ tầng số, CSDL

- Duy trì vận hành Hệ thống CSDL ngành tại địa chỉ <https://csdl.haiphong.edu.vn> và Cổng thông tin điện tử ngành giáo dục tại địa chỉ

⁽⁷⁾ Kế hoạch số 953/KH-BGDĐT ngày 10/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<https://haiphong.edu.vn>, bảo đảm thống nhất, liên thông, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, cá nhân.

- Chuẩn hóa mã định danh cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; tích hợp định danh điện tử VNeID, duy trì cơ chế đối soát, đồng bộ dữ liệu định kỳ với CSDL quốc gia về dân cư.

- Hoàn thiện các phân hệ học bạ số, quản lý văn bằng, kho học liệu số; bảo đảm CSDL ngành được kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung với Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

7. Quản lý, điều hành số

- Thống nhất sử dụng hệ thống HPNET eOffice, ngừng vận hành các hệ thống cũ; triển khai chữ ký số toàn ngành.

- Cấp phát 100% email công vụ tên miền @haiphong.edu.vn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Xây dựng hệ thống báo cáo, dashboard điều hành số, tích hợp các chỉ số về hồ sơ, tiến độ chuyển đổi số, dịch vụ công, an toàn thông tin.

- Triển khai quản trị nhà trường số tại 100% cơ sở giáo dục; bảo đảm quản lý hồ sơ cán bộ, học sinh, cơ sở vật chất bằng hồ sơ số.

- Hoàn thiện cổng đăng nhập một lần (SSO), tích hợp toàn bộ ứng dụng ngành (CSDL ngành, quản lý văn bằng, tuyển sinh...); bảo đảm 100% cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh sử dụng SSO để truy cập các hệ thống.

- Các cơ sở giáo dục triển khai Hệ thống điều hành tác nghiệp phục vụ hội nghị, họp trực tuyến, theo dõi kết luận chỉ đạo, truyền thông nội bộ trên cơ sở thống nhất, đồng bộ chung toàn ngành.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục triển khai các giải pháp, hệ thống, phần mềm phù hợp với điều kiện thực tế (quản lý hồ sơ chuyên môn, sổ liên lạc điện tử, thư viện điện tử, lớp học thông minh, phòng học STEM, phòng thí nghiệm ảo, điểm danh thông minh...).

8. Thực hiện Đề án 06

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong lĩnh vực giáo dục: tuyển sinh, cấp bản sao văn bằng, xác nhận học bạ số.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, liên thông dữ liệu với hệ thống kế toán và CSDL ngành.

- Chuẩn hóa dữ liệu và tích hợp định danh điện tử VNeID, đạt tỷ lệ xác thực $\geq 98,5\%$ hồ sơ GV, HS; phần đầu $\geq 80\%$ GV, HS có tài khoản VNeID mức 2; triển khai sử dụng VNeID trong ít nhất 2 dịch vụ công của ngành.

- Rà soát, cắt giảm thủ tục, giảm yêu cầu giấy tờ, tăng mức độ số hóa hồ sơ, bảo đảm tiện lợi, minh bạch cho học sinh và phụ huynh.

9. Nâng cao năng lực số, ứng dụng AI, STEM

- Tổ chức các lớp tập huấn về trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên; hình thành đội ngũ nòng cốt triển khai.

- Triển khai khung năng lực số học sinh trong chương trình giáo dục; lồng ghép nội dung an toàn, an ninh mạng, kỹ năng số.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục triển khai hoạt động giáo dục STEM, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức các sân chơi, cuộc thi phù hợp (ví dụ: Hackathon, Robotics...) nhằm phát triển năng lực sáng tạo, tư duy số cho học sinh.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, dữ liệu lớn trong công tác quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá; khuyến khích các cơ sở giáo dục thí điểm xây dựng mô hình lớp học thông minh, phòng thí nghiệm số.

- Đội ngũ nhà giáo thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

10. Truyền thông chuyển đổi số trong giáo dục

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kết quả và mô hình chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo (haiphong.edu.vn) và các cổng thông tin thành phần của cơ sở giáo dục.

- Phát triển chuyên mục “Giáo dục số” phản ánh kịp thời, sinh động các kết quả, mô hình, và điển hình tiêu biểu trong triển khai chuyển đổi số.

- Đa dạng hóa Nội dung Truyền thông theo Đối tượng:

- + Đối với cán bộ quản lý và giáo viên: Truyền thông về vai trò, vị trí của ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; Phổ biến các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm và đảm bảo quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục; Tăng cường phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

- + Đối với học sinh và người học: Tuyên truyền về kỹ năng số, năng lực số vững chắc để tham gia môi trường số an toàn; Phổ biến về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân và kỹ năng sử dụng thiết bị số an toàn; Thông báo về các hoạt động giáo dục STEM, các sân chơi, cuộc thi (ví dụ: Hackathon, Robotics...) nhằm phát triển năng lực sáng tạo và tư duy số.

- + Đối với phụ huynh và cộng đồng: Thông tin rõ ràng về các dịch vụ công trực tuyến (như tuyển sinh, cấp bản sao văn bằng) và lợi ích của việc sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt; Tăng cường phối hợp với phụ huynh, học sinh trong việc triển khai định danh, xác thực dữ liệu để đảm bảo tính chính xác của hồ sơ số.

- Tổ chức sự kiện và Phong trào: Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) hàng năm; Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục; Tuyên truyền về kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số để tạo động lực và sự cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị

11. Kiểm tra, giám sát

Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê

trong giáo dục, tối thiểu 30% số đơn vị trực thuộc được kiểm tra (có thể lồng ghép chung vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm).

VI. KINH PHÍ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước.
- Các cơ sở giáo dục căn cứ điều kiện thực tế, chủ động sử dụng kinh phí chi thường xuyên hoặc nguồn hợp pháp khác để triển khai các giải pháp, hệ thống, phần mềm phục vụ quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá. Các nội dung này bao gồm: hệ thống điều hành tác nghiệp, số liên lạc điện tử, thư viện điện tử, lớp học thông minh, điểm danh thông minh, cổng trường thông minh, phòng học STEM, phòng thí nghiệm ảo...
- Bên cạnh nguồn ngân sách và kinh phí tự chủ của các đơn vị, khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa. Các doanh nghiệp công nghệ thông tin có thể tham gia hỗ trợ, tài trợ, hoặc cung cấp dịch vụ theo hình thức thuê bao, ưu tiên các giải pháp về trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn và học liệu số.
- Việc sử dụng kinh phí phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các nhiệm vụ bắt buộc, có tính toàn ngành phải được ưu tiên bố trí trước; các mô hình thí điểm, giải pháp bổ sung do cơ sở lựa chọn sẽ do đơn vị chủ động thực hiện và báo cáo kết quả theo quy định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch này; chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục tiểu học, cơ sở giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, Đề án 06.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân bố trí về hạ tầng, nhân lực, kinh phí và phối hợp với Sở GDĐT để bảo đảm tiến độ triển khai.
- Đôn đốc, kiểm tra và báo cáo định kỳ tình hình triển khai của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.
- Triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT. Công bố mức độ chuyển đổi số của các đơn vị trên cổng thông tin của đơn vị và gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/5/2026.

2. Phòng Kinh tế

Tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu bố trí nguồn ngân sách để triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và Đề án 06 tại các cơ sở giáo dục.

3. Các trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở

- Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục; Phân công lãnh đạo đơn vị phụ trách và cán bộ làm đầu mối thực hiện triển khai các nhiệm vụ CNTT, CDS gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/10/2025.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026. Kế hoạch, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị giáo dục đề nghị gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Sở để tổng hợp) trước ngày 25/10/2025.

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ I năm học 2025-2026 và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Sở để tổng hợp) trước ngày 25/12/2025.

- Tổ chức tổng kết và báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 gửi Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Sở để tổng hợp) trước ngày 25/5/2026.

- Xây dựng kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” tại thành phố Hải Phòng⁽⁸⁾ và phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ chuyển đổi số theo phân công: cập nhật dữ liệu, sử dụng học bạ số, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến.

- Đảm bảo duy trì, cập nhật dữ liệu trên các Hệ thống thông tin chính xác, kịp thời; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời hạn, bảo đảm số liệu đầy đủ, khách quan, trung thực.

- Phối hợp với phụ huynh, học sinh trong việc triển khai định danh, xác thực dữ liệu, tham gia dạy - học trực tuyến, thanh toán điện tử.

- Triển khai việc tự đánh giá mức chuyển đổi số của cơ sở giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022. Công bố mức độ chuyển đổi số của các đơn vị trên cổng thông tin của đơn vị và gửi báo cáo về cơ quan quản lý cấp trên trước ngày 25/5/2026.

Ủy ban nhân dân đặc khu yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời thông tin về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Các Phòng: VHXX, KT;
- Các đơn vị trường học trực thuộc;
- C, PCVP HĐND và UBND đặc khu;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hữu Vững

⁽⁸⁾ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

PHỤ LỤC
Thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số
và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2025 của UBND đặc khu)

TT	Nhóm nhiệm vụ	Nội dung công việc	Sản phẩm/Chỉ tiêu	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Nhân lực	Kiến toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục	Văn bản kiện toàn bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục	Quý IV/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
2	Thể chế	Tham mưu, triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 phù hợp với điều kiện thực tế của GDĐT tại thành phố Hải Phòng	Triển khai đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh	Quý IV/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
3	Thể chế	Xây dựng kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” tại thành phố Hải Phòng và phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.	Tổng kết tại Sở GDĐT và các đơn vị giáo dục	Quý IV/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường

4	Hạ tầng số, CSDL	Đánh giá mức độ chuyển đổi số tại Sở GDĐT và các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục mầm non	Kế hoạch triển khai	Quý IV/2025 và quý I/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
5	Hạ tầng số, CSDL	Đồng bộ dữ liệu CSDL ngành và Cổng thông tin điện tử	Hệ thống hoạt động ổn định, báo cáo kết quả đồng bộ	Quý IV/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
6	Hạ tầng số, CSDL	Chuẩn hóa mã định danh GV, HS; tích hợp VNeID, đối soát với CSDL dân cư	≥98,5% bản ghi xác thực đúng; báo cáo đối soát	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
7	Hạ tầng số, CSDL	Hoàn thiện học bạ số, quản lý văn bằng, kho học liệu số; kết nối Kho DL dùng chung TP	100% trường triển khai học bạ số; hệ thống liên thông IOC	Quý IV/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
8	Quản lý - điều hành	Thống nhất HPNET eOffice, triển khai chữ ký số toàn ngành	100% đơn vị dùng eOffice, chữ ký số	Quý IV/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
9	Quản lý - điều hành	Cấp phát email công vụ @haiphong.edu.vn	100% CBQL, GV, NV có email công vụ	10/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
10	Quản lý - điều hành	Hoàn thiện cổng SSO, 100% CBQL, GV, HS đăng nhập bằng SSO	SSO tích hợp CSDL ngành, học bạ, VBCC...	11/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	
11	Quản lý - điều hành	Triển khai quản trị nhà trường số tại 100% cơ sở	Hồ sơ CBQL, GV, HS quản lý bằng hồ sơ số	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND đặc khu, Các trường

12	Quản lý - điều hành	Triển khai Hệ thống điều hành tác nghiệp (hợp trực tuyến, theo dõi chỉ đạo...)	Thí điểm vận hành tại 100% đơn vị	12/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND đặc khu, Các trường
13	Quản lý - điều hành	Sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ I năm học 2025- 2026 và gửi về Sở GDĐT (qua Văn phòng Sở để tổng hợp) trước ngày 25/12/2026	Tại Sở GDĐT và các đơn vị giáo dục	Quý IV/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
14	Đề án 06	Số hóa văn bằng năm học 2025; quét sổ gốc 2000-2025; ký số và tích hợp tra cứu trực tuyến trên hệ thống VBCC	Bộ dữ liệu VBCC số hóa, ký số; công tra cứu vận hành	12/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	
15	Đề án 06	Dịch vụ công trực tuyến: cấp bản sao văn bằng, xác nhận học bạ số	100% DVCTT mức 4 vận hành	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
16	Đề án 06	100% CSGD thanh toán không dùng tiền mặt, liên thông kế toán	Tích hợp dữ liệu kế toán - CSDL ngành	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
17	Đề án 06	Chuẩn bị điều kiện mô hình 21 (thi trực tuyến xác thực CCCD)	Báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, chờ Bộ GDĐT	12/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	
18	AI - STEM	02 đợt tập huấn AI, CDS cho CBQL, GV; ≥70% GV đạt chuẩn năng lực số	Báo cáo, danh sách GV đạt chuẩn	11- 12/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường

19	AI - STEM	Khuyến khích hoạt động STEM, đổi mới sáng tạo, các cuộc thi Hackathon, Robotics...	≥50% trường THCS, THPT có CLB STEM	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường TH và THCS,THCS
20	AI - STEM	Thí điểm lớp học thông minh, phòng thí nghiệm số	10 mô hình thí điểm	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
21	Truyền thông & ATTT	Tuyên truyền, chuyên mục “Giáo dục số” trên haiphong.edu.vn và cổng thành phần	100% đơn vị có huyện mục	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
22	Truyền thông & ATTT	Thiết lập đầu mối tiếp nhận, xử lý sự cố ATTT	Công khai đầu mối trên website Sở	11/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
23	Truyền thông & ATTT	Rà soát vá lỗi bảo mật, đào tạo - diễn tập ATTT	≥02 cuộc diễn tập; báo cáo ATTT	11-12/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường
24	Truyền thông & ATTT	Phối hợp Sở KH&CN chuẩn hóa, cấp chứng thư số cho máy chủ, website	100% website trường học có chứng thư số	12/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	
25	Truyền thông & ATTT	Thí điểm giải pháp quản lý học sinh (cổng trường thông minh, điểm danh trong lớp bằng camera/thiết bị AI)	3-5 trường thí điểm	Quý I/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ, THÔNG KẾ GIÁO DỤC VÀ THỰC
HIỆN ĐỀ ÁN 06 NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2025 của UBND đặc khu)

1. Luật số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Luật Dữ liệu.
2. Nghị định số 165/2025/ND-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.
3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
5. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
6. Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
7. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.
8. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
9. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
10. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
11. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030".
12. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục.
13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.
14. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin

điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

16. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về CSDL giáo dục và đào tạo.

17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

18. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

19. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

20. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

21. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học.

22. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; (Điều 10 điều chỉnh thẩm quyền cho Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT).

23. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (điều chỉnh thẩm quyền cho UBND xã các Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT; 42/2021/TT-BGDĐT; 21/2017/TT-BGDĐT; 35/2017/TT-BGDĐT; 25/2024/TT-BGDĐT).

24. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

25. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

26. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

27. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

28. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

29. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

30. Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”.

31. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

32. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

33. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

34. Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

35. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; Người lao động trong các doanh nghiệp; Người dân.

36. Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục CSDL dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

37. Văn bản số 3456/BGDDT-GDPT ngày 27/6/2025 của của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

38. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

39. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 28/02/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số đối với học sinh.

40. Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 09/6/2025 của UBND thành phố về triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW; các kế hoạch chuyên đề của thành phố về dữ liệu dùng chung, IOC.

41. Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố trong 6 tháng cuối năm 2025.